

Mức lương 1.800.000đ

Mục 6000																					
Stt	Họ và tên	HS cũ	HS mới	HS chênh lệch	Số tiền	V/ khung			Số tháng	Lương chính	Thâm niên		Ưu đãi ngành 70%	Biên giới 30%	Thu hút 70%	Lớp ghép	Tổng lương	Các Khoản đóng góp 10,5%	Tổng cộng	Thời gian hưởng	
						HS cũ	HS mới	HS chênh lệch			Số tiền	HS									Số tiền
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	13	14	15	16		17	18	21		
Tăng lương sớm																					
1	Vũ Khánh Huyền	4,34	4,68	0,34	612.000					4,0	2.448.000	23%	563.040	1.713.600	734.400		5.459.040	316.159	5.142.881	T9=>12/2024	
2	Lò Văn Phong	4,00	4,34	0,34	612.000					10,0	6.120.000	20%	1.224.000	4.284.000	1.836.000		13.464.000	771.120	12.692.880	T3=>12/2024	
Tăng lương thường xuyên																					
																	-	0	0		
3	Lương Thị Hiền	3,33	3,66	0,33	594.000					1,5	891.000	10%	89.100	623.700	267.300		445.500	2.316.600	102.911	2.213.690	T9, 15/10/2024
	Lương Thị Hiền	3,33	3,66	0,33	594.000					2,5	1.485.000	11%	163.350	1.039.500	445.500		742.500	3.875.850	173.077	3.702.773	15/10=>12/2024
4	Quảng Thị Hương	2,34	2,67	0,33	594.000					1,0	594.000	6%	35.640	415.800	178.200			1.223.640	66.112	1.157.528	T7/2024
	Quảng Thị Hương	2,34	2,67	0,33	594.000					5,0	2.970.000	7%	207.900	2.079.000	891.000			6.147.900	333.680	5.814.221	T8=>12/2024
Tăng vượt khung																					
																		0	0		
5	Nguyễn Thị Khánh					6%	7%	1%	88.020	6	528.120	33%	174.280	369.684	158.436		264.060	1.494.580	73.752	1.420.828	T7=>12/2024
Tổng Cộng		19,68	21,68	2,00	3.600.000	0	0	0	88.020	30	15.036.120	1,10	2.457.310	10.525.284	4.510.836	0	1.452.060	33.981.610	1.836.810	32.144.799	

KẾ TOÁN

[Signature]



Mạc Thị Sâm

Ngày tháng năm 202

HIỆU TRƯỞNG

Mục 6000																						
Stt	Họ và tên	HS cũ	HS mới	HS chênh lệch	Số tiền	V/ khung				Số tháng	Lương chính	Thâm niên		Ưu đãi ngành 70%	Biên giới 30%	Thu hút 70%	Lớp ghép	Tổng lương	Các khoản đóng góp 10,5%	Tổng cộng	Thời gian hưởng	
						HS cũ	HS mới	HS chênh lệch	Số tiền			HS	Số tiền									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10	11		13	14	15	16		17	18	21		
Tăng lương chi thiếu																						
1	Dỗ Quý Bộ										1.663.335									1.663.335		
2	Quảng Văn Tân										3.564.289									3.564.289		
Tăng thâm niên chi thiếu																						
1	Lò Văn Dương												93.737							93.737		
2	Trần Thị Loan												77.603							77.603		
Cộng		0,00	0,00	0,00	0	0	0	0	0	-	5.227.624	0,00	171.340	0	0	0	0	0	0	0	5.398.964	

KẾ TOÁN

Ngày tháng năm 202

Ngày tháng năm 202

TRUY LÃNH CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÂM NIÊN THEO NB 54/2011 ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO NĂM 2024

Mức lương 1.800.000đ

Số TT	Họ và tên	Tỷ lệ % TN cũ	Tỷ lệ % TN mới	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hs phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung quy theo hệ số	C/L Tỷ lệ (%) phụ cấp thâm niên được hưởng	Mức lương tối thiểu chung	Mức tiền phụ cấp thâm niên 01 tháng	Số tháng	Tổng cộng	Các khoản đóng góp 10,5%	Tổng nhu cầu	Ghi chú
Tăng đột 2															
1	Mạc Thị Sâm	25%	26%	5,42	5,02	0,40		1%	1.800.000	97.560	1	97.560	10.244	87.316	T12/2024
2	Lò Văn Hùng	10%	11%	3,49	3,34	0,15		1%	1.800.000	62.820	0,5	31.410		31.410	15/10/2024
	Lò Văn Hùng	10%	11%	3,34	3,34			1%	1.800.000	60.120	2	120.240	12.625	107.615	T11->12/2024
3	Lò Thị Thu Hiền	11%	12%	3,34	3,34			1%	1.800.000	60.120	0,5	30.060		30.060	15/09/2024
	Lò Thị Thu Hiền	11%	12%	3,34	3,34			1%	1.800.000	60.120	3	180.360	18.938	161.422	T10->12/2024
4	Trần Thị Hải	13%	14%	3,26	3,26			1%	1.800.000	58.680	4	234.720	24.646	210.074	T9->12/2024
5	Nguyễn Thị Khánh	32%	33%	5,18	4,89		0,2934	1%	1.800.000	93.301	3	279.904	29.390	250.514	T10->12/2024
6	Lò Thị Nhung	25%	26%	4,58	4,58			1%	1.800.000	82.440	5	412.200	43.281	368.919	T8->12/2024
7	Trần Thị Loan	12%	13%	3,66	3,66			1%	1.800.000	65.880	2	131.760	13.835	117.925	T11->12/2024
8	Lò Văn Dương	13%	14%	4,00	4,00			1%	1.800.000	72.000	0,5	36.000		36.000	15/09/2024
	Lò Văn Dương	13%	14%	4,00	4,00			1%	1.800.000	72.000	3	216.000	22.680	193.320	T10->12/2024
9	Lương Thị Hiền	10%	11%	3,48	3,33	0,15		1%	1.800.000	62.640	0,5	31.320		31.320	15/10/2024
	Lương Thị Hiền	10%	11%	3,48	3,33	0,15		1%	1.800.000	62.640	2	125.280	13.154	112.126	T11->12/2024
10	Quảng Thị Hương	6%	7%	2,54	2,34	0,20		1%	1.800.000	45.720	5	228.600	24.003	204.597	T8->12/2024
11	Quảng Văn Tân	11%	12%	3,66	3,66			1%	1.800.000	65.880	4	263.520	27.670	235.850	T9->12/2024
Tổng cộng				57	55	1	0	0,150	27.000.000	1.021.921	34	2.418.934	240.465	2.178.469	

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị



Mạc Thị Sâm